

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sơn Linh**

Các hội thẩm nhân dân: + Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**

+ Bà **Trần Thị Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Trọng Thắng** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Hoàng Quốc C, sinh năm: 1977, bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Hoàng Quốc C ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 31/3/2023.

Bị đơn: bà Trần Thị M, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(bà L có mặt, bà M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: vào ngày 17/8/2018 bà M có vay của vợ chồng ông, bà số tiền là 350.000.000đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận lãi suất miệng với nhau là 1.5%/tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ mà thỏa thuận miệng khi nào cần bên cho vay là ông C, bà L báo trước 10 ngày cho bên vay là bà M thì bà M có trách nhiệm thu xếp trả nợ cho vợ chồng ông, bà. Sau khi vay được một tháng thì bà M có trả cho vợ chồng ông, bà số tiền 230.000.000đồng, còn lại 120.000.000 đồng bà M chưa trả cho vợ chồng ông, bà. Cuối năm 2021 vợ chồng ông, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà M không trả. Nên vợ chồng ông, bà khởi kiện yêu cầu bà M phải trả vợ chồng bà số nợ gốc với số tiền 120.000.000đồng và tiền lãi suất kể từ ngày vay cho đến ngày giải quyết xong vụ án lãi suất tạm tính như sau: $\text{lãi suất trong hạn} = 120.000.000\text{đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 36 \text{ tháng} = 64.800.000\text{đồng}$. $\text{Lãi suất quá hạn} = 120.000.000\text{đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 150\% \times 12 \text{ tháng} = 32.400.000\text{đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi là 217.200.000đồng ngoài ra vợ chồng bà không yêu cầu gì khác. Đến ngày 28/8/2023 vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện theo đó vợ chồng ông C, bà L chỉ khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền gốc là 120.000.000đồng không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra vợ chồng ông C, bà L không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Trần Thị M trình bày: vào năm 2018 bà có vay của vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L số tiền là 350.000.000đồng để đi đáo hạn ngân hàng với lãi suất là 3 ngàn/1 triệu/1 ngày. Hai ngày sau bà đáo hạn ngân hàng xong bà đã mang trả đầy đủ số tiền gốc là 350.000.000đồng và tiền lãi cho bà L, khi đó do bà vội về nên bà không lấy lại giấy vay tiền và nghĩ là chỗ anh em họ hàng với nhau nên bà chỉ nói vợ chồng bà L, ông C tự bỏ giấy vay tiền đi. Nay bà L, ông C khởi kiện bà yêu cầu bà trả số tiền là 120.000.000đồng thì bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bà. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M vắng mặt nên các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 120.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng

của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bị đơn bà Trần Thị M. Buộc bà Trần Thị M phải trả cho vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L số tiền 120.000.000đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc Cường, bà Nguyễn Thị Lương về việc yêu cầu bà Trần Thị Mai phải trả tiền lãi suất là 97.200.000 đồng. Về án phí: bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: tại phiên tòa bà Trần Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thị M theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: xuất phát từ việc vợ chồng ông C, bà L cho rằng bà M có vay của vợ chồng ông, bà số tiền 350.000.000đồng, sau đó bà M đã trả được cho vợ chồng ông, bà số tiền 230.000.000đồng còn lại 120.000.000đồng. Quá trình vay bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp và vợ chồng ông C, bà L khởi kiện yêu cầu bà M phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 120.000.000đồng. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: qua xem xét lời khai của các đương sự, đối chiếu với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L xác định bà Trần Thị M có vay của ông, bà số tiền là 350.000.000đồng, sau khi vay được khoảng 1 tháng thì bà M có trả cho ông, bà số tiền là 320.000.000đồng còn lại số tiền 120.000.000đồng bà M chưa trả. Bà Trần Thị M cũng xác nhận bà có vay của vợ chồng ông C, bà L số tiền 350.000.000đồng nhưng sau khi vay tiền được hai ngày thì bà đã trả cho vợ chồng ông C, bà L toàn

bộ số tiền trên và số tiền lãi hai bên thỏa thuận miệng. Tuy nhiên, bà M không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà đã trả cho vợ chồng ông C, bà L số tiền trên cũng như lãi suất các bên thỏa thuận miệng. Còn ông C, bà L xuất trình chứng cứ thể hiện bà M có vay vợ chồng ông, bà số tiền 350.000.000đồng, theo nguyên đơn trình bày thì sau khi vay được 1 tháng thì bà M đã trả cho vợ chồng ông bà số tiền 320.000.000đồng nhưng vợ chồng ông bà không ghi lại giấy nhận nợ mà tự trừ đi số tiền bà M trả nên vợ chồng ông bà xác nhận hiện nay bà M chỉ còn vay của vợ chồng ông bà số tiền là 120.000.000đồng nên yêu cầu bà M phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền trên.

Lời khai nhận của các bên phù hợp với tài liệu, chứng cứ do ông C, bà L xuất trình nên có căn cứ xác định bà Trần Thị M còn nợ lại của vợ chồng ông C, bà L số tiền 120.000.000đồng nhưng chưa trả. Bà M thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông C, bà L và sau khi vay hai ngày thì bà đã trả toàn bộ số nợ trên cho vợ chồng ông C, bà L nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà đã trả nợ và vợ chồng ông C, bà L không thừa nhận bà M đã trả khoản vay này cũng như tiền lãi như bà M trình bày nên không có cơ sở để xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 28/8/2023 vợ chồng ông C, bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà M phải trả lãi đối với số nợ gốc mà chỉ yêu cầu bà M trả số nợ gốc là 120.000.000đồng. Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông C, bà L. Buộc bà M phải trả cho vợ chồng ông C, bà L số tiền vay còn lại là 120.000.000đồng. Đối với phần yêu cầu trả lãi nguyên đơn xin rút nên cần xem xét đình chỉ yêu cầu của vợ chồng ông C, bà L về việc yêu cầu bà M trả tiền lãi suất là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về án phí*: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cần hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 217; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Trần Thị M.

Buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L số tiền là 120.000.000đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Trần Thị M phải trả số tiền lãi suất kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất trong hạn là 120.000.000đồng x 1,5%/tháng x 36 tháng = 64.800.000đồng. Lãi suất quá hạn là 120.000.000đồng x 1,5%/tháng x 150% x 12 tháng = 32.400.000đồng. Tổng số tiền lãi suất là 97.200.000đồng.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị M phải chịu 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Hoàng Quốc C, bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.430.000đồng (*Năm triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013584 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lâm Hà;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sơn Linh